

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG MÃ
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2018/HSST
Ngày 23 tháng 8 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Bá Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cường

2. Ông Lò Văn Thôn

- Thư ký phiên toà:

Bà Hoàng Thị Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sông Mã.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên toà:

Ông Dương Văn Nam - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 109/2018/HSST ngày 10 tháng 7 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2018/HSST-QĐ ngày 08 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Thanh N**- Sinh năm 1979; Nơi ĐKKHKT và nơi ở: bản T, xã N, huyện S, tỉnh Sơn La; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa; 9/12; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Đảng phái: Không; Con ông: Trần Văn H, con bà: Lê Thị C; Bị cáo có vợ là Trần Thị H và có 03 con, lớn nhất 06 tuổi, nhỏ nhất sinh năm 02 tuổi, hiện trú tại bản T, xã N, huyện S, tỉnh Sơn La; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/4/2018 đến ngày 10/4/2018 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn T** - Sinh ngày 01/11/1987; Nơi ĐKKHKT và nơi ở: bản T, xã C, huyện S, tỉnh S; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Đảng phái: Không; Con ông: Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị C (đều đã chết); Bị cáo có vợ là Dương Thị T và có 03 con, lớn nhất 09 tuổi, nhỏ nhất 05 tuổi, hiện trú tại: bản T, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/4/2018 đến ngày 10/4/2018 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Dương Thị N** - Sinh ngày 14/3/1983; Nơi ĐKHKTT: bản T, xã C, huyện S, Sơn La; Tạm trú tại: bản N, xã N, huyện S, tỉnh Sơn La; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Đảng phái: Không; Con ông: Dương Văn B, con bà: Trần Thị P; Bị cáo có chồng nhưng đã ly hôn, bị cáo có 01 con 13 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/4/2018 đến ngày 10/4/2018 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Nguyễn Nhật D** - Sinh năm 1974; Nơi ĐKHKTT và nơi ở: bản Q, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: Không; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Đảng phái: Không; Con ông: Nguyễn Nhật T, con bà: Lã Thị T (Đều đã chết); Bị cáo có vợ là Dương Thị H và có 02 con, lớn nhất đã trưởng thành, nhỏ nhất 13 tuổi, hiện trú tại: bản Q, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/4/2018 đến ngày 10/4/2018 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Trần Văn N** - Sinh 1978; Nơi ĐKHKTT và nơi ở: bản Q, xã C, huyện S, tỉnh S; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Đảng phái: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng; Con ông: Trần Danh T, con bà: Dương Thị N; Bị cáo có vợ là Dương Thị L và có 02 con, lớn nhất đã trưởng thành, nhỏ nhất 12 tuổi, hiện trú tại: bản Q, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/4/2018 đến ngày 10/4/2018 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Vũ Cao S** - Sinh năm 1976; Nơi ĐKHKTT và nơi ở: bản T, xã C, huyện S, tỉnh S; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: Không; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Đảng phái: Không; Con ông: Vũ Cao H, con bà: Nguyễn Thị H (đều đã chết); Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị V và có 02 con, con lớn đã trưởng thành, con nhỏ 17 tuổi, hiện trú tại: bản T, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/4/2018 đến ngày 10/4/2018 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ 00' ngày 07/4/2018 Tổ công tác Công an huyện Sông Mã làm nhiệm vụ tại bản T, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La phát hiện bắt quả tang tại nhà Dương Văn B có các đối tượng đang có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình

thức chơi xóc đĩa và chơi tá lả thắng thua bằng tiền mặt trên 02 chiếu bạc tại phòng ngủ và phòng khách như sau:

Chiếu chơi xóc đĩa tại phòng ngủ gồm: Trần Thanh N, sinh năm 1979 trú tại bản T, xã N, huyện S; Trần Văn N, sinh năm 1978; Nguyễn Nhật D, sinh năm 1974 cùng trú tại bản Q, xã C, huyện S; Nguyễn Văn T, sinh 1987; Vũ Cao S, sinh năm 1976 cùng trú tại bản T, xã C, huyện S; Dương Thị N, sinh năm 1983 trú tại bản N, xã Nu, huyện S. Vật chứng thu giữ gồm: Thu trên nền nhà 01 chiếu nhựa màu vàng nâu, 01 thảm ni, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ và 04 quân vị hình tròn; thu tại vị trí ngồi của Nguyễn Văn T số tiền 6.150.000đ, thu tại vị trí ngồi của Trần Thanh N số tiền 5.000.000đ, thu tại vị trí ngồi của Dương Thị N số tiền 2.000.000đ, thu trên người của Trần Văn N số tiền 900.000đ, thu trên người của Nguyễn Nhật D số tiền 400.000đ.

Chiếu chơi tá lả tại phòng khách gồm: Dương Văn B, sinh năm 1950; Trần Thị P, sinh năm 1957 cùng trú bản T, xã C, huyện S; Đỗ Văn Đ sinh năm 1981 trú bản T, xã N, huyện S và Tòng Văn T, sinh năm 1970 trú bản T, xã C, huyện S. Vật chứng thu giữ: 01 chiếu nhựa, 01 bộ tú lơ khơ 52 quân, thu tại chiếu các đối tượng ngồi chơi đánh bạc 1.290.000đ; tạm giữ trên người của Tòng Văn T số tiền 3.850.000đ; Đỗ Văn Đ số tiền 1.200.000đ.

Ngoài ra còn thu giữ tại bàn ngồi uống nước 01 kéo kim loại màu đen; tạm giữ của Đỗ Văn Đ 01 xe mô tô BKS 26C1-152.60 và 01 điện thoại di động; tạm giữ của Trần Thị P 01 điện thoại di động; tạm giữ của Trần Thanh N 01 chiếc xe mô tô BKS 26B2-294.03 và 01 điện thoại di động; tạm giữ của Vũ Cao S 01 chiếc xe mô tô BKS 26H2-3637; tạm giữ của Trần Văn N 01 chiếc xe mô tô BKS 26C1-106.74 và 02 điện thoại di động; tạm giữ của Nguyễn Văn T 01 xe mô tô BKS 26B1-987.36; tạm giữ của Nguyễn Nhật D 01 điện thoại di động.

Quá trình điều tra Trần Thanh N, Nguyễn Nhật D, Dương Thị N, Trần Văn N, Vũ Cao S và Nguyễn Văn T khai nhận:

Khoảng 12 giờ 00' ngày 07/4/2018 sau khi dự đám cưới ở bản Tân Tiến, xã Chiềng Sơ xong, Trần Thanh N cùng Nguyễn Nhật D và Dương Thị N về nhà Dương Văn B (bố đẻ của N) để uống nước. Tại đây N rủ N và D chơi xóc đĩa ăn tiền thì được mọi người đồng ý, N lấy kéo cắt 04 quân vị hình tròn từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long, N lấy 01 bát, 01 đĩa bằng sứ, rồi cả ba cùng vào trong phòng ngủ nhà ông B để chơi xóc đĩa. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày có Trần Văn N, Vũ Cao S, Nguyễn Văn T và Trần Ngọc N đến nhà ông B chơi, khi thấy mọi người đang xóc đĩa N, S, T xin tham gia cùng, còn N ngồi xem.

Hình thức đánh xóc đĩa được quy định như sau: Trần Thanh N là người cầm cái, những người cùng chơi ngồi thành vòng tròn ở hai bên N quy định bên tay phải là cửa chắn, bên tay trái là cửa lẻ. Khi thực hiện một ván đánh, mỗi

người chơi có thể đặt cửa chắn hoặc cửa lẻ tùy ý, số tiền đặt cửa tối đa là 500.000đ. Có 4 quân vị, mỗi quân có 2 mặt, màu khác nhau sau khi người cầm cái cho 4 quân vị đó vào đĩa, dùng bát úp lại xóc, rồi mở bát, nếu có 1 quân vị khác màu với 3 quân vị khác gọi là lẻ, các trường hợp cả bốn quân vị cùng màu hoặc là 2 quân cùng xấp cùng màu và 02 quân cùng ngửa cùng màu gọi là chắn. Mọi người chơi tự đặt tiền cá cược vào cửa chắn, lẻ tùy ý. Nếu người chơi đặt cửa chắn, khi mở bát về chắn thì người chơi sẽ được người cầm cái trả cho số tiền bằng với số tiền người chơi đã đặt cược, nếu khi mở bát về lẻ thì người cầm cái sẽ được số tiền người chơi đã đặt cược. Trường hợp người chơi đặt cửa nhưng người cầm cái không nhận thì người chơi khác cũng có thể nhận hoặc những người chơi cũng có thể tự đánh cược với nhau. Khi bắt đầu chơi N có 4.950.000đ, T có 5.000.000đ, N có 1.150.000đ, N có 1.000.000đ, S có 500.000đ, D có 1.850.000đ. Tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc là 14.450.000đ.

Tại thời điểm bắt quả tang số tiền thắng, thua của các đối tượng như sau: N có 5.000.000đ (thắng được 50.000đ); T có 6.150.000đ (thắng được 1.150.000đ); N có 2.000.000đ (thắng được 850.000đ); D có 400.000đ (thua 1.450.000đ); N có 900.000đ (thua 100.000đ); S bị thua hết số tiền 500.000đ.

Do có hành vi nêu trên tại bản Cáo trạng số 73/CT-VKSSM ngày 09 tháng 7 năm 2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã đã truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Sông Mã để xét xử Trần Thanh N, Dương Thị N, Nguyễn Nhật D, Trần Văn N, Nguyễn Văn T và Vũ Cao S về tội Đánh bạc, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS.

Tại phiên toà kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Trần Thanh N, Dương Thị N, Nguyễn Nhật D, Trần Văn N, Nguyễn Văn T và Vũ Cao S phạm tội Đánh bạc.

* Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 36; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Trần Thanh N từ 14 - 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Nguyễn Nhật D từ 09 - 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Trần Văn N từ 09 - 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Vũ Cao S từ 09 - 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ thời gian các bị cáo bị tạm giữ, giam vào thời gian chấp hành hình phạt.

- Phạt bổ sung là phạt tiền mỗi bị cáo từ 3 triệu đến 5 triệu đồng.

- Miễn khấu trừ thu nhập cá nhân cho các bị cáo

* Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 36; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Dương Thị N từ 12 - 16 tháng cải tạo không giam giữ.

Nguyễn Văn T từ 12 - 16 tháng cải tạo không giam giữ.

- Phạt bổ sung là phạt tiền mỗi bị cáo từ 3 triệu đến 5 triệu đồng.

- Miễn khấu trừ thu nhập cá nhân cho các bị cáo

* Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quần vớ hình tròn, 01 chiếc nhựa, 01 tấm nỉ, 01 chiếc kéo; trả lại cho các bị cáo điện thoại di động; Tịch thu sung công quỹ 14.450.000đ.

Tại phiên tòa khi được nói lời sau cùng các bị cáo thừa nhận hành vi của mình đã vi phạm pháp luật, việc Tòa án đưa các bị cáo ra xét xử về tội Đánh bạc là không oan, sai; các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Cơ quan điều tra Công an huyện Sông Mã, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa các thành viên của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thủ tục tố tụng tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Trần Thanh N, Dương Thị N, Nguyễn Nhật D, Trần Văn N, Nguyễn Văn T và Vũ Cao S thừa nhận toàn bộ hành vi, các bị cáo vẫn giữ nguyên lời khai như đã khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Mã, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án và hoàn toàn nhất trí với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã. Các bị cáo khẳng định việc khai báo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc các bị cáo đã thực hiện - Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với thời gian, địa điểm, diễn biến việc thực hiện tội phạm; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang lập vào hồi 15h30 ngày 07/4/2018, vật chứng bị thu giữ và các lời khai có trong hồ sơ vụ án.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12 giờ00' ngày 07/4/2018 tại nhà của Dương Văn Bắc ở bản Tân Tiến, xã Chiềng

Sơ, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, Trần Thanh N, Dương Thị N, Nguyễn Nhật D, Trần Văn N, Nguyễn Văn T, Vũ Cao S đã cùng nhau đánh xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền. Đến 15 giờ 00' cùng ngày thì bị tổ công tác Công an huyện Sông Mã làm nhiệm vụ bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo dùng để sát phạt nhau là 14.450.000đ. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội Đánh bạc - Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; vai trò của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy:

Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an ở địa phương; Các bị cáo nhận thức được hành vi đánh xóc đĩa với mục đích được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện; Trong vụ án này bị cáo Trần Thanh N là người đã khởi xướng, rủ rê, trực tiếp cất quân bài; bị cáo Dương Thị N là người giúp sức trong việc lấy bát, đĩa làm dụng cụ cho việc đánh bạc; các bị cáo Nguyễn Nhật D, Trần Văn N, Nguyễn Văn T và Vũ Cao S tham gia với vai trò là đồng phạm, áp dụng Điều 58 BLHS cho các bị cáo.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy:

Đối với các bị cáo Trần Thanh N, Trần Văn N, Vũ Cao S, Nguyễn Nhật D đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải - Là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS cho các bị cáo.

Đối với các bị cáo Nguyễn Văn T và Dương Thị N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Sông Mã đưa ra xét xử về tội đánh bạc đã được xóa án tích nhưng không thỏa mãn quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51BLHS, tuy nhiên tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải - Là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS cho các bị cáo.

Các bị cáo phạm tội phạm tội ít nghiêm trọng, số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc ít, có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng, nên chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo cũng đảm bảo được mục đích giáo dục, răn đe và phòng ngừa, không gây ảnh hưởng đến việc đấu tranh phòng chống tội phạm, phù hợp với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân, cần khẩn trương thời gian các bị cáo bị tạm giữ, giam vào thời gian chấp hành hình phạt theo quy định tại Điều 36 BLHS (mỗi bị cáo đều bị tạm giữ 04 ngày, tương đương 12

ngày Cải tạo không giam giữ). Về việc khấu trừ thu nhập xét thấy các bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định, nên xem xét miễn cho các bị cáo. Cần căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò và nhân thân của các bị cáo để có mức hình phạt tương xứng với từng bị cáo nhằm giáo dục các bị cáo có ý thức tuân theo pháp luật, răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Trần Thanh N, Nguyễn Văn T và Dương Thị N là người rủ rê khởi xướng và nhân thân xấu, nên cần áp dụng khoản 3 Điều 321 và khoản 2, 3 Điều 35 BLHS phạt bổ sung đối với các bị cáo một khoản tiền. Đối với các Trần Văn N, Vũ Cao S, Nguyễn Nhật D là đồng phạm có nhân thân tốt, ngoài lần vi phạm này đều chấp hành tốt chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án: Đối với 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị hình tròn, 01 chiếu nhựa, 01 thảm nỉ, 01 chiếc kéo là công cụ thực hiện tội phạm cần tịch thu tiêu hủy; đối với 04 chiếc điện thoại di động do không liên quan đến việc thực hiện tội phạm cần trả lại cho các bị cáo; đối với số tiền 14.450.000đ các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

[6] Về vấn đề khác liên quan đến vụ án:

Đối với Dương Văn B, Trần Thị P đã để cho các bị cáo đánh bạc trong phòng ngủ của gia đình, khi các bị cáo thực hiện việc đánh bạc, P không có nhà, B đang ở ngoài vườn nên không biết. Mặt khác các bị cáo đều là người thân, họ hàng, con cái của B và P; B và P không thu tiền phé hay được hưởng lợi gì nên hành vi của B, P không cấu thành tội “Tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc” quy định tại Điều 322 BLHS.

Đối với Dương Văn B, Trần Thị P, Đỗ Văn Đ, Tòng Văn T có hành vi đánh tá lả ăn tiền với tổng số tiền thu giữ là 6.340.000đ, nhưng Cơ quan CSĐT đã xác minh làm rõ số tiền sử dụng vào việc chơi tá lả là 1.290.000đ. Do số tiền các đối tượng dùng để đánh tá lả không đủ để cấu thành tội Đánh bạc, quá trình xác minh các đối tượng đều chưa có tiền án, tiền sự nên Công an huyện Sông Mã đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với B, P, Đ, T là đảm bảo theo quy định.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 26C1-152.60 của Dương Quang Đ, 02 điện thoại di động tạm giữ của Đ và P; số tiền 1.200.000đ thu tại túi quần của Đ; 3.850.000đ tạm giữ tại túi áo ngực của T; 01 chiếc xe mô tô BKS 26B2-294.03 của Trần Thanh N, 01 chiếc xe mô tô BKS 26H2-3637 của Vũ Cao S, 01 chiếc xe mô tô BKS 26C1-106.74 của Trần Văn N, 01 xe mô tô BKS 26B1-987.36 của Nguyễn Văn T, qua xác minh đều là tài sản hợp pháp, các đối tượng không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Sông Mã đã trao trả lại cho chủ sở hữu là đảm bảo theo quy định.

Đối với 01 bộ tú lơ khơ, 01 chiếu nhựa và số tiền 1.290.000đ mà Dương Văn B, Trần Thị P, Đỗ Văn Đ, Tòng Văn T sử dụng vào việc đánh tã lả ăn tiền, Cơ quan CSĐT Công an huyện Sông Mã ra quyết định tịch thu để sung công quỹ Nhà nước và tiêu hủy là đảm bảo theo quy định.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.
Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1- Tuyên bố: Các bị cáo Trần Thanh N, Dương Thị N, Nguyễn Nhật D, Trần Văn N, Nguyễn Văn T và Vũ Cao S phạm tội Đánh bạc.

* Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; khoản 2,3 Điều 35; Điều 36 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Thanh N 14 (mười bốn) tháng Cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 12 ngày (mười hai ngày) - Thời gian chấp hành hình phạt còn lại là 13 tháng 18 ngày (mười ba tháng mười tám ngày) - Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Nà Nghịu, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Phạt bổ sung đối với bị cáo số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Giao bị cáo Trần Thanh N cho Ủy ban nhân dân xã Nà Nghịu, huyện Sông Mã, Sơn La giám sát và giáo dục.

Bị cáo Trần Thanh N phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

* Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Trần Văn N 09 (chín) tháng Cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 12 ngày (mười hai ngày) - Thời gian chấp hành hình phạt còn lại là 08 tháng 18 ngày (tám tháng mười tám ngày) - Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Chiềng Sơ, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Giao bị cáo Trần Văn Nn cho Ủy ban nhân dân xã Chiềng Sơ, huyện Sông Mã, Sơn La giám sát và giáo dục.

Bị cáo Trần Văn N phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Nhật D 09 (chín) tháng Cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 12 ngày (mười hai ngày) - Thời gian chấp hành hình phạt còn lại là 08 tháng 18 ngày (tám tháng mười tám ngày) - Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Chiềng Sơ, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Nhật D cho Ủy ban nhân dân xã Chiềng Sơ, huyện Sông Mã, Sơn La giám sát và giáo dục.

Bị cáo Nguyễn Nhật D phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo Vũ Cao S 09 (chín) tháng Cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 12 ngày (mười hai ngày) - Thời gian chấp hành hình phạt còn lại là 08 tháng 18 ngày (tám tháng mười tám ngày) - Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Chiềng Sơ, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Giao bị cáo Vũ Cao S cho Ủy ban nhân dân xã Chiềng Sơ, huyện Sông Mã, Sơn La giám sát và giáo dục.

Bị cáo Vũ Cao S phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

* Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; khoản 2, 3 Điều 35; Điều 36 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Dương Thị N 14 (mười bốn) tháng Cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 12 ngày (mười hai ngày) - Thời gian chấp hành hình phạt còn lại là 13 tháng 18 ngày (mười ba tháng mười tám ngày) - Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Nà Nghịu, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Phạt bổ sung đối với bị cáo số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Giao bị cáo Dương Thị N cho Ủy ban nhân dân xã Nà Nghịu, huyện Sông Mã, Sơn La giám sát và giáo dục.

Bị cáo Dương Thị N phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 14 (mười bốn) tháng Cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 12 ngày (mười hai ngày) - Thời gian chấp hành hình phạt còn lại là 13 tháng 18 ngày (mười ba tháng mười tám ngày) - Thời hạn chấp hành

hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Chiềng Sơ, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Phạt bổ sung đối với bị cáo số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Chiềng Sơ, huyện Sông Mã, Sơn La giám sát và giáo dục.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

2- Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếu nhựa, 01 (một) thảm nỉ, 01 (một) bát sứ, 01 (một) đĩa sứ, 01 (một) chiếc kéo, 04 (bốn) quân vị hình tròn.

- Trả lại cho các bị cáo:

+ Bị cáo Trần Thanh N 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F1 , số Imei 861754036430916.

+ Bị cáo Nguyễn Nhật D 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, số Imei 351672054669008.

+ Bị cáo Trần Văn N 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, số Imei 358610060691387 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7plus, số Imei 356572083224749.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 14.450.000đ (mười bốn triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 08 tháng 6 năm 2018 giữa Cơ quan Thi hành án dân sự và Cơ quan CSĐT Công an huyện Sông Mã)

3- Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Các Điều 12, 21, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23/8/2018)./.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND Tỉnh;
- VKSND huyện
- Công an huyện;
- Trại giam;
- THA hình sự ;
- CCTHA Dân sự;
- Sở TP;
- Các bị cáo ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Phạm Bá Toàn